

*
Số 6958 -QĐ/HVCTQG

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
về việc xác định điểm trúng tuyển
kỳ thi tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ năm 2021

- Căn cứ Quyết định số 145-QĐ/TW ngày 08/8/2018 của Bộ Chính trị về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh;

- Căn cứ Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ ban hành theo Quyết định số 4864/QĐ-HVCTQG ngày 03/11/2016 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh;

- Căn cứ kết quả thi tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ năm 2021;
- Căn cứ Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh ngày 29/12/2021;
- Xét đề nghị của Thường trực Hội đồng tuyển sinh,

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Thí sinh thuộc diện trúng tuyển phải đạt tổng điểm hai môn thi Cơ bản và môn thi Cơ sở ngành 10,0 điểm trở lên trong đó không có môn thi nào dưới 5,0 điểm và điểm thi môn tiếng Anh đạt từ 4,0 điểm trở lên (tương đương bậc 3 trong khung đánh giá năng lực ngoại ngữ 6 bậc).

Điều 2. Chánh Văn phòng Học viện, Vụ trưởng Vụ Quản lý đào tạo, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và các thí sinh có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo,
- Ban Giám đốc Học viện,
- Website Học viện,
- Như Điều 2,
- Lưu VT, Vụ QLĐT.



Nguyễn Xuân Thắng

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA
HỒ CHÍ MINH

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ NĂM 2021

*

KẾT QUẢ THI TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ NĂM 2021

TT	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành	Môn thi Cơ bản	Môn cơ sở	Môn Tiếng anh	Ghi chú
1	M001	Đoàn Thái	An	10/11/1998	Hà Nội	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật	6.50	6.50		Miễn thi NN
2	M002	Hoàng Văn	An	15/6/1988	Lạng Sơn	Quản lý kinh tế	6.50	7.00	7.70	
3	M003	Lê Thị Trung	Anh	19/12/1998	Hà Nội	Triết học				
4	M004	Hoàng Phương	Anh	11/12/1992	Vĩnh Phúc	Kinh tế chính trị	7.50	8.00	7.55	
5	M005	Mai Thị Hải	Anh	12/3/1998	Nam Định	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật	7.50	8.00		Miễn thi NN
6	M006	Nguyễn Trường	Anh	26/12/1998	Thái Bình	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật	7.00	6.00		Miễn thi NN
7	M007	Trần Thị Lan	Anh	02/01/1991	Lạng Sơn	Quản lý kinh tế	8.00	6.50	7.45	
8	M008	Nguyễn Thị Hoàng	Anh	19/10/1989	Lạng Sơn	Quản lý kinh tế	9.00	7.00	7.50	
9	M009	Lê Đức	Anh	27/4/1980	Lạng Sơn	Quản lý kinh tế	7.50	6.00	4.50	
10	M010	Nguyễn Đức Việt	Anh	19/09/1997	Bắc Ninh	Quản lý kinh tế	9.00	7.00	6.95	



<i>TT</i>	<i>SBD</i>	<i>Họ</i>	<i>Tên</i>	<i>Ngày sinh</i>	<i>Nơi sinh</i>	<i>Ngành</i>	<i>Môn thi Cơ bản</i>	<i>Môn cơ sở</i>	<i>Môn Tiếng anh</i>	<i>Ghi chú</i>
11	M011	Trần Phương	Anh	26/3/1997	Hà Tĩnh	Quan hệ quốc tế	7.25	6.00		Miễn thi NN
12	M012	Đỗ Việt	Anh	20/12/1987	Hải Phòng	Pháp luật về quyền con người	7.00	7.00	7.20	
13	M013	Đào Thục	Anh	13/11/1996	Hà Nội	Pháp luật về quyền con người	7.00	5.50	5.90	
14	M014	Nguyễn Ngọc	Anh	18/11/1980	Hải Phòng	Pháp luật về quyền con người				
15	M015	Nguyễn Ngọc	Anh	23/12/1982	Hải Phòng	Pháp luật về quyền con người				Miễn thi NN
16	M016	Lương Trác Tuấn	Anh	21/6/1991	Hải Phòng	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	6.00	7.00		Miễn thi NN
17	M017	Phạm Đức	Anh	19/01/1998	Hà Nội	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	6.00	6.00		Miễn thi NN
18	M018	Bùi Quỳnh	Anh	30/7/1990	Hòa Bình	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	7.00	7.00		Miễn thi NN
19	M019	Đỗ Văn	Bằng	14/04/1985	Thanh Hóa	Quản lý kinh tế	8.00	6.50	7.75	
20	M020	Trần Văn	Bằng	01/10/1987	Hải Phòng	Pháp luật về quyền con người				
21	M021	Tương Phi	Bảo	06/02/1988	Hà Nội	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật	6.50	7.00	6.45	
22	M022	Dương Thái	Bảo	11/4/1998	Thái Nguyên	Xã hội học	6.50	7.00		Miễn thi NN
23	M023	Lý Văn	Bảy	07/4/1982	Lạng Sơn	Quản lý kinh tế	6.50	7.00	6.65	
24	M024	Trần Văn	Biên	09/01/1975	Thanh Hóa	Quản lý kinh tế	5.25	7.00	5.45	

12

<i>TT</i>	<i>SBD</i>	<i>Họ</i>	<i>Tên</i>	<i>Ngày sinh</i>	<i>Nơi sinh</i>	<i>Ngành</i>	<i>Môn thi Cơ bản</i>	<i>Môn cơ sở</i>	<i>Môn Trắc anh</i>	<i>Ghi chú</i>
25	M025	Mai Thị Thanh	Bình	2/7/1975	Hà Nội	Quản lý kinh tế				Miễn thi NN
26	M026	Nguyễn Đức	Cảnh	01/10/1980	Hải Phòng	Pháp luật về quyền con người				
27	M027	Hoàng Quang	Cầu	03/3/1966	Lạng Sơn	Quản lý kinh tế	5.50	7.00	6.45	
28	M028	Nguyễn Thị Ngọc	Châm	01/6/1998	Hưng Yên	Quan hệ quốc tế	6.75	6.00	6.15	
29	M029	Lê Quỳnh	Chi	21/7/1999	Hải Dương	Chính sách công	7.00	7.50		Miễn thi NN
30	M030	Nguyễn Linh	Chi	22/11/1988	Bắc Giang	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật	7.50	8.00	5.60	
31	M031	Hoàng Trung	Chí	06/11/1988	Lạng Sơn	Quản lý kinh tế	7.00	6.00	4.95	
32	M032	Lăng Văn	Chí	28/12/1985	Lạng Sơn	Quản lý kinh tế	7.00	6.50	6.15	
33	M033	Lê Khả	Chiến	29/6/1993	Quảng Ninh	Quản lý kinh tế	8.00	6.00		Miễn thi NN
34	M034	Nguyễn Thị	Chung	10/06/1989	Bắc Ninh	Quản lý kinh tế	7.50	6.50	5.85	
35	M035	Dương Thị	Chuyên	14/12/1991	Hải Phòng	Pháp luật về quyền con người				
36	M036	Nguyễn Đình	Cơ	6/7/1987	Bình Định	Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước	7.00	8.00	5.90	
37	M037	Nguyễn Trung	Công	22/1/1992	Nam Định	Quản lý kinh tế	7.50	6.00	5.85	
38	M038	Đào Thị Kim	Cúc	17/01/1980	Phú Thọ	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật				

12

<i>TT</i>	<i>SBD</i>	<i>Họ</i>	<i>Tên</i>	<i>Ngày sinh</i>	<i>Nơi sinh</i>	<i>Ngành</i>	<i>Môn thi Cơ bản</i>	<i>Môn cơ sở</i>	<i>Môn Tiếng anh</i>	<i>Ghi chú</i>
39	M039	Phạm Mạnh	Cường	30/10/1975	Hà Nội	Lãnh đạo học	6.00	7.00	5.30	
40	M040	Đoàn Quang	Cường	11/8/1982	Hải Phòng	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật	7.50	8.00	7.20	
41	M041	Lê Văn	Cường	07/02/1985	Thanh Hóa	Quản lý kinh tế	6.00	6.00	5.50	
42	M042	Nguyễn Mạnh	Cường	23/02/1974	Hà Nội	Quản lý kinh tế				
43	M043	Phạm Mạnh	Cường	07/4/1994	Ninh Bình	Quan hệ quốc tế				
44	M044	Nguyễn Mạnh	Cường	17/12/1983	Hà Nội	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	7.00	7.50	6.20	
45	M045	Trần Nam	Cường	12/12/1976	Bắc Giang	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	7.00	7.50	6.30	
46	M046	Nông Hồng	Dài	29/9/1983	Cao Bằng	Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước	6.50	7.00	6.85	
47	M047	Nguyễn Văn	Dạo	27/9/1986	Vĩnh Phúc	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật				
48	M048	Nguyễn Quang	Dạo	19/03/1983	Bắc Ninh	Quản lý kinh tế	9.00	7.00	5.95	
49	M049	Triệu Văn	Dạo	20/8/1981	Cao Bằng	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	6.00	7.00	5.85	
50	M050	Nguyễn Hoàng	Dạt	26/9/1993	Bắc Kạn	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật	7.50	7.00	5.90	
51	M051	Nguyễn Thành	Dạt	27/9/1994	Hải Phòng	Quan hệ quốc tế	5.50	6.50	6.00	
52	M052	Hoang Phi	Diệp	14/8/1983	Tuyên Quang	Quan hệ quốc tế				

42

<i>TT</i>	<i>SBD</i>	<i>Họ</i>	<i>Tên</i>	<i>Ngày sinh</i>	<i>Nơi sinh</i>	<i>Ngành</i>	<i>Môn thi Cơ bản</i>	<i>Môn cơ sở</i>	<i>Môn Trắc anh</i>	<i>Ghi chú</i>
53	M053	Nguyễn Phú	Diệp	02/10/1978	Hải Phòng	Pháp luật về quyền con người				
54	M054	Nguyễn Văn	Din	20/04/1994	Bắc Ninh	Quản lý kinh tế	7.00	6.00	6.15	
55	M055	Nguyễn Thị Kim	Dinh	9/01/1989	Hà Nội	Kinh tế chính trị	7.50	7.25	5.80	
56	M056	Thào Páo	Dinh	18/01/1985	Lào Cai	Quản lý kinh tế				
57	M057	Phan Thành	Định	12/11/1981	Hải Phòng	Pháp luật về quyền con người				
58	M058	Bùi Ngọc	Định	23/10/1982	Nam Định	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	7.50	7.50	5.75	
59	M059	Mã Thị	Độ	5/8/1981	Cao Bằng	Chính sách công	7.00	8.00	6.30	
60	M060	Nông Văn	Đông	01/6/1980	Cao Bằng	Chính sách công	7.00	7.00	5.70	
61	M061	Hoàng Viết	Đông	23/11/1977	Nghệ An	Quản lý kinh tế				
62	M062	Trương Văn	Đông	28/3/1984	Lai Châu	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	7.00	7.50	6.00	
63	M063	Nguyễn Văn	Đông	27/04/1984	Hải Phòng	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật	6.50	7.00	6.00	
64	M064	Trần Văn	Đông	14/07/1972	Hà Nội	Quản lý kinh tế	8.00	6.50	5.70	
65	M065	Đinh Danh	Đức	27/4/1976	Thanh Hóa	Kinh tế phát triển				
66	M066	Nguyễn Hồng	Đức	17/12/1989	Hà Nội	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	7.50	6.50	4.95	

12

<i>TT</i>	<i>SBD</i>	<i>Họ</i>	<i>Tên</i>	<i>Ngày sinh</i>	<i>Nơi sinh</i>	<i>Ngành</i>	<i>Môn thi Cơ bản</i>	<i>Môn cơ sở</i>	<i>Môn Tiếng anh</i>	<i>Ghi chú</i>
67	M067	Lê Thị Thanh	Đức	3/4/1982	Khánh Hòa	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	7.00	7.00	6.10	
68	M068	Bùi Thùy	Dung	22/11/1991	Tuyên Quang	Chủ nghĩa xã hội khoa học	7.00	8.00	5.60	
69	M069	Hà Thị Thùy	Dung	07/10/1987	Hải Phòng	Pháp luật về quyền con người				
70	M070	Phạm Thị	Dung	01/02/1987	Hải Phòng	Pháp luật về quyền con người				
71	M071	Nông Văn	Dũng	4/12/1986	Cao Bằng	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật	7.00	5.50	5.45	
72	M072	Nguyễn Tiến	Dũng	21/9/1997	Quảng Ninh	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật	6.50	6.50	6.75	
73	M073	Lê Anh	Dũng	13/8/1985	Vĩnh Phúc	Quản lý kinh tế	7.50	7.00	5.60	
74	M074	Phùng Bình	Dũng	27/12/1976	Hà Giang	Quản lý kinh tế	8.00	6.50	5.75	
75	M075	Trần Việt	Dũng	20/3/1997	Hà Giang	Quản lý kinh tế	7.00	7.00		Miễn thi NN
76	M076	Mông Thế	Dũng	6/10/1979	Lạng Sơn	Quản lý kinh tế	7.00	7.00	5.80	
77	M077	Phan Tiến	Dũng	24/01/1990	Yên Bái	Quản lý kinh tế				
78	M078	Lại Trung	Dũng	03/04/1982	Hải Phòng	Pháp luật về quyền con người				
79	M079	Đỗ Văn	Dũng	28/11/1978	Nam Định	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	6.00	7.00	6.35	
80	M080	Hoàng Thị Thùy	Dương	20/12/1982	Quảng Trị	Quản lý kinh tế	8.00	5.50	5.80	

42

<i>TT</i>	<i>SBD</i>	<i>Họ</i>	<i>Tên</i>	<i>Ngày sinh</i>	<i>Nơi sinh</i>	<i>Ngành</i>	<i>Môn thi Cơ bản</i>	<i>Môn cơ sở</i>	<i>Môn Tiếng anh</i>	<i>Ghi chú</i>
81	M081	Đỗ Xuân	Dương	24/07/1989	Thanh Hóa	Quản lý kinh tế	8.00	5.50	5.80	
82	M082	Nguyễn Đức Thái	Dương	30/4/1992	Hải Phòng	Pháp luật về quyền con người				
83	M083	Trần Văn	Dương	07/12/1988	Hải Phòng	Pháp luật về quyền con người				
84	M084	Nguyễn Thị Quỳnh	Dương	16/02/1986	Thái Bình	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	7.00	8.00	6.95	
85	M085	Phan Thế	Đường	02/10/1978	Vĩnh Phúc	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật				
86	M086	Đinh Ba	Duy	17/02/1984	Cao Bằng	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật	6.00	6.50	6.50	
87	M087	Nguyễn Hữu	Duy	25/9/2984	Hà Nội	Quản lý kinh tế	8.00	6.00	6.00	
88	M088	Vũ Hoàng	Duy	16/8/1989	Quảng Ninh	Quản lý kinh tế	9.00	7.00	7.05	
89	M089	Trần Thị Hương	Giang	15/12/1999	Bắc Ninh	Quản lý kinh tế	8.50	7.00	6.50	
90	M090	Lê Công	Giang	05/02/1997	Bắc Ninh	Quản lý kinh tế	6.50	6.00	5.55	
91	M091	Hứa Hải	Hà	29/8/1986	Lạng Sơn	Quản lý kinh tế	9.00	7.00	6.15	
92	M092	Nguyễn Thị Thu	Hà	11/01/1988	Vĩnh Phú	Quản lý kinh tế	7.50	7.00	6.45	
93	M093	Nguyễn Hải	Hà	01/06/1980	Bắc Ninh	Quản lý kinh tế	9.00	7.00	6.35	
94	M094	Nguyễn Thị	Hà	10/11/1981	Hà Nội	Xã hội học	7.00	8.00		Miễn thi NN

2

<i>TT</i>	<i>SBD</i>	<i>Họ</i>	<i>Tên</i>	<i>Ngày sinh</i>	<i>Nơi sinh</i>	<i>Ngành</i>	<i>Môn thi Cơ bản</i>	<i>Môn cơ sở</i>	<i>Môn Tiếng anh</i>	<i>Ghi chú</i>
95	M095	Dương Thị Thanh	Hà	15/10/1981	Hà Nội	Kinh tế phát triển				
96	M096	Cao Thị Thanh	Hà	4/9/1984	Son La	Quản lý kinh tế	6.00	7.00		Miễn thi NN
97	M097	Trần Thanh	Hải	19/4/1980	Vĩnh Phúc	Kinh tế chính trị	7.00	7.25	5.55	
98	M098	Trần Thị Thanh	Hải	31/3/1990	Hung Yên	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật	7.00	8.00	6.60	
99	M099	Nguyễn Mạnh	Hải	11/3/1977	Thái Bình	Quản lý kinh tế				
100	M100	Hứa Hải	Hải	29/8/1986	Lạng Sơn	Quản lý kinh tế				
101	M101	Nguyễn Trung	Hải	29/10/1987	Hải Phòng	Pháp luật về quyền con người	6.00	5.50	6.75	
102	M102	Hoàng Đăng	Hải	18/05/1975	Hải Phòng	Pháp luật về quyền con người				Miễn thi NN
103	M103	Phạm Văn	Hải	10/03/1987	Hải Phòng	Pháp luật về quyền con người				
104	M104	Triệu Thúy	Hằng	02/5/1988	Lạng Sơn	Quản lý kinh tế	8.00	6.50	5.75	
105	M105	Trần Thị	Hằng	30/6/1978	Hải Phòng	Pháp luật về quyền con người	7.50	7.00	7.35	
106	M106	Bàn Thị Thu	Hằng	10/9/1083	Lào Cai	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	7.00	8.00	6.10	
107	M107	Hoàng Thị	Hạnh	27/11/1988	Lạng Sơn	Quản lý kinh tế	7.00	6.50	6.70	
108	M108	Nguyễn Thu	Hào	03/01/1998	Hà Nội	Xã hội học	7.00	7.50		Miễn thi NN

42

TT	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành	Môn thi Cơ bản	Môn cơ sở	Môn Trắc anh	Ghi chú
109	M109	Nguyễn Hùng	Hậu	22/5/1999	Thái Nguyên	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật	7.50	8.00		Miễn thi NN
110	M110	Vũ Thị	Hiền	05/11/1986	Vĩnh Phúc	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật	6.00	7.50	7.25	
111	M111	Nguyễn Đăng	Hiền	02/08/1988	Bắc Ninh	Quản lý kinh tế	6.00	6.50	7.65	
112	M112	Nguyễn Thu	Hiền	30/04/1987	Bắc Ninh	Quản lý kinh tế	5.00	6.50	5.75	
113	M113	Phạm Văn	Hiệp	14/12/1994	Quảng Ninh	Chính trị học	6.00	7.00		Miễn thi NN
114	M114	Trần Văn	Hiệp	15/5/1984	Nam Định	Pháp luật về quyền con người	6.50	6.50	5.75	
115	M115	Nguyễn Trung	Hiếu	22/4/1990	Thanh Hóa	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật	7.00	7.00	7.00	
116	M116	Trần Đức	Hiếu	16/7/1977	Hà Nội	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật				
117	M117	Trần Thị	Hiếu	05/9/1986	Thanh Hóa	Quản lý kinh tế	6.00	6.50	5.75	
118	M118	Nguyễn Thị	Hoa	28/12/1989	Nam Định	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật	7.00	7.00	6.30	
119	M119	Lương Thị Thúy	Hoà	3/10/1976	Hà Nam	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật	6.00	6.50	6.25	
120	M120	Hoàn Thúy	Hoà	16/11/1988	Hà Giang	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	7.50	7.50	7.05	
121	M121	Ngô Thị Thu	Hòa	14/8/1980	Vĩnh Phúc	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật				
122	M122	Trần Văn	Hoài	22/4/1982	Hà Tĩnh	Lãnh đạo học	7.50	8.00	5.95	

2

<i>TT</i>	<i>SBD</i>	<i>Họ</i>	<i>Tên</i>	<i>Ngày sinh</i>	<i>Nơi sinh</i>	<i>Ngành</i>	<i>Môn thi Cơ bản</i>	<i>Môn cơ sở</i>	<i>Môn Tiếng anh</i>	<i>Ghi chú</i>
123	M123	Nguyễn Việt	Hoàng	30/12/1997	Thái Bình	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật	7.00	8.00	6.25	
124	M124	Đinh Văn	Hoàng	05/3/1990	Nghệ An	Quản lý kinh tế	9.00	7.00	6.00	
125	M125	Chu Hải	Hoàng	12/7/1985	Lạng Sơn	Quản lý kinh tế				
126	M126	Nguyễn Sỹ	Hồng	02/09/1990	Thanh Hóa	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật	7.00	7.00	5.85	
127	M127	Bùi Thị Vi	Hồng	10/7/1990	Hòa Bình	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước				
128	M128	Phạm Thị	Huế	19/02/1991	Hòa Bình	Kinh tế chính trị	7.00	8.00		Miễn thi NN
129	M129	Hoàng Thị	Huệ	23/7/1982	Hải Phòng	Pháp luật về quyền con người				
130	M130	Lều Thị Minh	Huệ	2/8/1982	Hà Nội	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	6.50	8.00		Miễn thi NN
131	M131	Lương Ngọc	Hùng	07/3/1995	Sơn La	Kinh tế chính trị	6.00	6.50	5.70	
132	M132	Nguyễn Thế	Hùng	8/8/1988	Vĩnh Phúc	Quản lý kinh tế	9.00	7.00		Miễn thi NN
133	M133	Lều Duy	Hùng	15/5/1986	Yên Bái	Quản lý kinh tế	6.75	6.00	5.60	
134	M134	Lưu Trần	Hùng	06/10/1981	Thanh Hóa	Quản lý kinh tế	6.50	6.50	4.25	
135	M135	Lưu Tiến	Hưng	20/07/1997	Bắc Ninh	Quản lý kinh tế	8.50	6.00		Miễn thi NN
136	M136	Nguyễn Văn	Hưng	17/7/1986	Thanh Hóa	Quan hệ quốc tế				

<i>TT</i>	<i>SBD</i>	<i>Họ</i>	<i>Tên</i>	<i>Ngày sinh</i>	<i>Nơi sinh</i>	<i>Ngành</i>	<i>Môn thi Cơ bản</i>	<i>Môn cơ sở</i>	<i>Môn Tiếng anh</i>	<i>Ghi chú</i>
137	M137	Nguyễn Hữu	Hùng	09/10/1974	Hà Nam	Pháp luật về quyền con người	7.00	7.00	6.80	
138	M138	Nguyễn Thị	Hương	6/9/1987	Vĩnh Phúc	Kinh tế chính trị	7.50	7.25		Miễn thi NN
139	M139	Ngô Quốc	Hương	21/11/1974	Lạng Sơn	Quản lý kinh tế	5.75	6.50	6.70	
140	M140	Vũ Thị Thùy	Hương	17/11/1983	Yên Bái	Quản lý kinh tế	8.00	7.00	6.95	
141	M141	Bùi Thanh	Hương	07/07/1983	Bắc Ninh	Quản lý kinh tế	6.00	7.00	7.95	
142	M142	Đàm Thị Minh	Hường	2/9/1976	Cao Bằng	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật	7.50	7.50	8.20	
143	M143	Hồ Quang	Huy	11/2/1982	Thanh Hóa	Quản lý kinh tế	7.50	6.00	8.15	
144	M144	Hứa Quang	Huy	08/08/1979	Lạng Sơn	Quản lý kinh tế	5.25	7.00	7.35	
145	M145	Nguyễn Quang	Huy	05/3/1988	Bắc Ninh	Quản lý kinh tế				
146	M146	Nguyễn Đình	Huy	14/03/1993	Hải Phòng	Pháp luật về quyền con người				
147	M147	Lê Thị Minh	Huyền	27/12/1980	Vĩnh Phúc	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật	7.00	7.00	7.30	
148	M148	Đỗ Văn	Kế	10/03/1979	Thanh Hóa	Quản lý kinh tế	8.00	7.50	7.30	
149	M149	Nguyễn Như	Khải	11/5/1996	Hà Nội	Kinh tế phát triển				
150	M150	Hoàng Trọng	Khang	08/8/1980	Tuyên Quang	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	6.50	7.50	7.10	

12

<i>TT</i>	<i>SBD</i>	<i>Họ</i>	<i>Tên</i>	<i>Ngày sinh</i>	<i>Nơi sinh</i>	<i>Ngành</i>	<i>Môn thi Cơ bản</i>	<i>Môn cơ sở</i>	<i>Môn Tiếng anh</i>	<i>Ghi chú</i>
151	M151	Đặng Hoàng	Khanh	08/10/1980	Bắc Ninh	Quản lý kinh tế	5.50	6.00	7.15	
152	M152	Trần Ngọc	Khánh	29/11/1990	Yên Bái	Quản lý kinh tế	6.25	6.00	6.80	
153	M153	Lê Vũ	Khiêm	25/7/1974	Yên Bái	Quản lý kinh tế				
154	M154	Phạm Minh	Khoa	24/8/1977	Thái Bình	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	6.00	7.00	6.10	
155	M155	Nguyễn Đăng	Khôi	13/1/1972	Hà Nội	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật	7.00	7.00	7.05	
156	M156	Trần Xuân	Khuong	17/02/1986	Yên Bái	Quản lý kinh tế	8.00	6.50	7.20	
157	M157	Vũ Hữu	Kiên	08/04/1989	Hải Phòng	Pháp luật về quyền con người				
158	M158	Nguyễn Văn	Kiều	06/9/1983	Thanh Hóa	Triết học	7.00	7.50	8.20	
159	M159	Nguyễn Thị Hồng	Lam	19/01/1972	Hà Nội	Pháp luật về quyền con người				
160	M160	Đinh Văn	Lâm	20/12/1983	Hà Nội	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật	7.50	6.50	7.40	
161	M161	Nguyễn Thị Mai	Lan	12/6/1985	Vĩnh Phúc	Quản lý văn hóa	7.00	8.00	7.00	
162	M162	Đặng Thị Mai	Lan	07/9/1979	Ninh Bình	Pháp luật về quyền con người	7.50	7.50	7.85	
163	M163	Ngô Thế	Lập	29/8/1987	Quảng Ninh	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật	7.00	6.50	7.55	
164	M164	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	10/5/1988	Điện Biên	Triết học	7.00	7.50	6.85	

12

<i>TT</i>	<i>SBD</i>	<i>Họ</i>	<i>Tên</i>	<i>Ngày sinh</i>	<i>Nơi sinh</i>	<i>Ngành</i>	<i>Môn thi Cơ bản</i>	<i>Môn cơ sở</i>	<i>Môn Tiếng anh</i>	<i>Ghi chú</i>
165	M165	Kiều Phương	Linh	05/8/1999	Hà Nội	Chính sách công	6.00	7.50	7.70	
166	M166	Nguyễn Hồng	Linh	28/8/1984	Hà Nam	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật	7.00	7.50	7.40	
167	M167	Bùi Thị Thùy	Linh	22/9/1999	Hà Nội	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật				
168	M168	Đỗ Thị Phương	Linh	25/08/1999	Hà Nội	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật	6.50	7.00	6.85	
169	M169	Dương Ngọc	Linh	27/11/1984	Vĩnh Phúc	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật	7.50	7.00	5.90	
170	M170	Nguyễn Thị Thùy	Linh	16/7/1986	Hà Nội	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật	6.50	7.50		Miễn thi NN
171	M171	Đỗ Thị Phương	Linh	25/08/1999	Hà Nội	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật				
172	M172	Nguyễn Thị	Linh	15/02/1993	Bắc Ninh	Quản lý kinh tế	7.00	6.50	6.40	
173	M173	Nguyễn Thị Hà	Linh	12/06/1998	Bắc Ninh	Quản lý kinh tế	8.50	6.00		Miễn thi NN
174	M174	Trần Nhật	Linh	03/3/1990	Hà Nội	Quan hệ quốc tế	5.25	5.50		Miễn thi NN
175	M175	Nông Thanh	Loan	16/4/1987	Cao Bằng	Quản lý kinh tế	5.75	6.50	7.05	
176	M176	Nguyễn Hữu	Long	2/12/1994	Quảng Bình	Lãnh đạo học	6.50	8.50		Miễn thi NN
177	M177	Mã Ngọc	Luân	22/6/1991	Cao Bằng	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật	6.00	7.50	5.45	
178	M178	Bùi Văn	Luân	30/05/1977	Hà Nội	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật				

42

<i>TT</i>	<i>SBD</i>	<i>Họ</i>	<i>Tên</i>	<i>Ngày sinh</i>	<i>Nơi sinh</i>	<i>Ngành</i>	<i>Môn thi Cơ bản</i>	<i>Môn cơ sở</i>	<i>Môn Tiếng anh</i>	<i>Ghi chú</i>
179	M179	Lưu Ngọc	Lượn	23/2/1988	Cao Bằng	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	6.00	7.50	6.35	
180	M180	Hoàng Hiền	Lương	15/10/1987	Lạng Sơn	Quản lý kinh tế	7.00	6.00	6.90	
181	M181	Nguyễn Thảo	Ly	2/8/1998	Cao Bằng	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật	7.00	7.50		Miễn thi NN
182	M182	Quách Văn	Lý	05/9/1979	Lạng Sơn	Quản lý kinh tế	7.75	6.50	6.60	
183	M183	Nguyễn Hải	Lý	10/4/1988	Quảng Trị	Kinh tế chính trị	5.50	7.50	6.75	
184	M184	Nguyễn Quỳnh	Mai	9/9/1999	Thái Nguyên	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật	7.00	7.00		Miễn thi NN
185	M185	Kiều Thị	Mai	14/3/1987	Vĩnh Phúc	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật	7.00	8.00	6.50	
186	M186	Nguyễn Thu	Mai	17/10/1991	Vĩnh Phúc	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật	6.50	7.50	6.55	
187	M187	Vì Thị Quỳnh	Mai	08/3/1974	Lạng Sơn	Quản lý kinh tế	7.50	7.00	6.65	
188	M188	Nguyễn Thúy	Mai	15/8/1983	Hà Nội	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	7.50	8.00		Miễn thi NN
189	M189	Nguyễn Thị	Mận	26/6/1990	Bắc Giang	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	7.00	8.00	6.70	
190	M190	Phạm Hồng	Mạnh	12/8/1995	Vĩnh Phúc	Kinh tế chính trị	6.50	7.00	5.90	
191	M191	Nguyễn Chí	Mạnh	26/11/1985	Nam Định	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật	6.50	6.50	6.60	
192	M192	Phùng Văn	Mạnh	09/9/1983	Vĩnh Phúc	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật	6.50	7.00	6.20	

10

TT	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành	Môn thi Cơ bản	Môn cơ sở	Môn Tiếng anh	Ghi chú
193	M193	Đỗ Văn	Mạnh	06/09/1980	Thái Bình	Quản lý kinh tế	6.50	6.50	6.05	
194	M194	Nguyễn Quang	Mạnh	17/6/1993	Hà Nội	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	7.00	6.50	6.40	
195	M195	Phan Bình	Minh	08/03/1985	Tuyên Quang	Chính sách công	7.50	7.75	6.20	
196	M196	Bùi Văn	Minh	01/07/1978	Hải Phòng	Pháp luật về quyền con người				
197	M197	Bùi Kim Thảo	My	2/11/1998	Vĩnh Phúc	Kinh tế chính trị				Miễn thi NN
198	M198	Nguyễn Huyền	My	19/11/1987	Ninh Bình	Quản lý kinh tế	8.50	6.50	6.65	
199	M199	Đặng Văn	Nam	08/5/1988	Yên Bái	Quản lý kinh tế	7.75	5.50	5.90	
200	M200	Lê Phương	Nam	08/08/1999	Hà Nội	Quản lý kinh tế				Miễn thi NN
201	M201	Lê Thị Hằng	Nga	19/9/1986	Hà Nội	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	7.00	7.50	6.55	
202	M202	Nguyễn Hùng Linh	Nga	08/7/1990	Nghệ An	Xã hội học	7.00	8.00	6.80	
203	M203	Lê Thị Tố	Nga	04/7/1980	Nam Định	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	7.00	7.50		Miễn thi NN
204	M204	Vũ Thị Hà	Ngân	16/12/1997	Bắc Ninh	Quản lý kinh tế	8.50	7.00	6.95	
205	M205	Bùi Thị Thu	Ngân	4/12/1998	Quảng Ninh	Xã hội học	6.00	7.00		Miễn thi NN
206	M206	Nguyễn Khả	Nghị	15/7/1982	Hà Nội	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật	6.50	7.00	6.80	

2

<i>TT</i>	<i>SBD</i>	<i>Họ</i>	<i>Tên</i>	<i>Ngày sinh</i>	<i>Nơi sinh</i>	<i>Ngành</i>	<i>Môn thi Cơ bản</i>	<i>Môn cơ sở</i>	<i>Môn Tiếng anh</i>	<i>Ghi chú</i>
207	M207	Nguyễn Đình	Nghĩa	20/7/1977	Hà Nội	Quản lý kinh tế	5.50	6.00	6.75	
208	M208	Ngô Trí	Nghĩa	24/9/1981	Nghệ An	Pháp luật về quyền con người	7.50	6.00	6.45	
209	M209	Ngô Văn	Nghĩa	16/6/1984	Phú Yên	Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước	6.00	7.50	7.50	
210	M210	Phạm Văn	Nguyễn	09/11/1986	Hải Phòng	Pháp luật về quyền con người				
211	M211	Nguyễn Thị Thu	Nguyệt	07/9/1977	Bắc Ninh	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	7.00	7.00	6.75	
212	M212	Lê Thị Minh	Nguyệt	20/8/1984	Hà Nam	Pháp luật về quyền con người	7.00	7.00	7.60	
213	M213	Vương Thủy	Nhàn	27/10/1978	Hải Phòng	Pháp luật về quyền con người				
214	M214	Nguyễn Đình	Nhân	12/01/1982	Bắc Giang	Quản lý kinh tế				
215	M215	Đỗ Thị	Nhân	28/6/1988	Hải Phòng	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật	7.00	8.00	7.45	
216	M216	Nguyễn Thị	Nhị	01/12/1989	Bắc Ninh	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật	7.00	6.00	7.40	
217	M217	Trần Thị	Nhung	08/6/1975	Lào Cai	Quản lý kinh tế	5.50	6.50	7.35	
218	M218	Lê Cẩm	Nhung	21/3/1985	Nam Định	Quản lý văn hóa	8.00	8.00		Miễn thi NN
219	M219	Vũ Hồng	Nhung	17/11/1996	Lạng Sơn	Quản lý kinh tế	8.50	6.00	6.30	
220	M220	Đặng Thị Kim	oanh	11/9/1972	Thái Bình	Kinh tế chính trị	6.00	7.25		Miễn thi NN

TT	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành	Môn thi Cơ bản	Môn cơ sở	Môn Tiếng anh	Ghi chú
221	M221	Nguyễn Huy	Phong	07/6/1988	Hà Nội	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật	7.00	7.00	6.70	
222	M222	Giàng Sín	Phù	10/10/1980	Lào Cai	Quản lý kinh tế				
223	M223	Châu Seo	Phù	07/01/1986	Lào Cai	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	6.00	7.00	6.85	
224	M224	Đỗ Thu g	Phươn g	10/10/1985	Thanh Hóa	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	7.50	7.00	6.85	
225	M225	Nguyễn Thị Hằng	Phuong	24/01/1981	Nghệ An	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	6.00	7.00		Miễn thi NN
226	M226	Quách Thị Thu	Phuong	22/2/1985	Thái Bình	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật	5.50	7.00		Miễn thi NN
227	M227	Trần Hà	Phuong	09/6/1993	Hà Nội	Quan hệ quốc tế	6.00	6.00	6.80	
228	M228	Nguyễn Gia	Quang	16/12/1974	Nghệ An	Quản lý kinh tế				
229	M229	Trần Đình	Quang	16/3/1985	Phù Thọ	Quan hệ quốc tế				
230	M230	Trần Văn	Quang	5/7/1984	Hà Nội	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	6.50	8.00	5.70	
231	M231	Trương Quang	Quý	15/4/1982	Hà Nội	Chính sách công	6.50	7.00	6.85	
232	M232	Lê Thị Lệ	Quyên	21/2/1985	Phù Thọ	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật	6.50	6.00		Miễn thi NN
233	M233	Vũ Lệ	Quyên	17/4/1978	Nam Định	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật	6.50	7.00	5.60	
234	M234	Hoàng Thị	Quỳnh	15/9/1982	Vĩnh Phúc	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật	7.00	7.00	5.10	

<i>TT</i>	<i>SBD</i>	<i>Họ</i>	<i>Tên</i>	<i>Ngày sinh</i>	<i>Nơi sinh</i>	<i>Ngành</i>	<i>Môn thi Cơ bản</i>	<i>Môn cơ sở</i>	<i>Môn Tiếng anh</i>	<i>Ghi chú</i>
235	M235	Sùng Seo	Sà	05/02/1984	Lào Cai	Quản lý kinh tế				
236	M236	Mai Thị Hồng	Sâm	20/8/1983	Yên Bái	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước				
237	M237	Nông Xuân	Sinh	10/5/1994	Hà Giang	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	7.50	7.00	5.30	
238	M238	Trần Tuấn	Son	17/12/1977	Hải Dương	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật	7.00	7.00	5.35	
239	M239	Hoàng Hải	Son	25/01/1985	Thái Bình	Quản lý kinh tế	9.00	6.00	5.90	
240	M240	Nguyễn Mai	Son	9/12/1976	Hà Nội	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	7.50	7.00	6.00	
241	M241	Tạ Đăng	Song	24/05/1994	Bắc Ninh	Quản lý kinh tế	7.00	7.00	4.55	
242	M242	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	6/5/1983	Vĩnh Phúc	Kinh tế chính trị	5.50	7.25	6.30	
243	M243	Vũ Thị	Tâm	17-12-1989	Vĩnh Phúc	Kinh tế chính trị	7.00	7.25	5.65	
244	M244	Đàm Thị Thanh	Tâm	29/11/1982	Lạng Sơn	Quản lý kinh tế	6.00	7.00	5.50	
245	M245	Đỗ Việt	Tâm	20/02/1978	Lạng Sơn	Quản lý kinh tế				
246	M246	Trần Thị Nhật	Tâm	25/02/1998	Bắc Ninh	Quản lý kinh tế	7.50	6.50		Miễn thi NN
247	M247	Vũ Thị	Tâm	09/10/1986	Ninh Bình	Quản lý kinh tế	6.50	6.00	5.80	
248	M248	Bùi Xuân	Tập	09/01/1983	Hải Phòng	Pháp luật về quyền con người				

2

<i>TT</i>	<i>SBD</i>	<i>Họ</i>	<i>Tên</i>	<i>Ngày sinh</i>	<i>Nơi sinh</i>	<i>Ngành</i>	<i>Môn thi Cơ bản</i>	<i>Môn cơ sở</i>	<i>Môn Tiếng anh</i>	<i>Ghi chú</i>
249	M249	Đặng Duy	Thái	03/11/1979	Yên Bái	Quản lý kinh tế	5.50	6.00	5.30	
250	M250	Nguyễn Văn	Thắng	14/9/1983	Đắk Lắk	Lãnh đạo học	6.50	8.00	5.75	
251	M251	Đặng Chiến	Thắng	19/11/1990	Nam Định	Chính sách công	6.50	7.50	6.10	
252	M252	Trịnh Văn	Thắng	13-4-1990	Hà Nội	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật	6.50	7.00	6.55	
253	M253	Tạ Hồng	Thắng	10/5/1971	Vĩnh Phúc	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật				
254	M254	Nguyễn Đức	Thắng	01/06/1988	Hải Dương	Quản lý kinh tế	7.00	7.00	6.25	
255	M255	Nguyễn Mạnh	Thắng	01/3/1988	Lạng Sơn	Quản lý kinh tế				
256	M256	Triệu Toàn	Thắng	05/9/1980	Tuyên Quang	Quản lý kinh tế	8.00	6.50		Miễn thi NN
257	M257	Đinh Thị	Thanh	02/12/1993	Hà Nội	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	6.00	7.50	5.35	
258	M258	Đỗ Thị Phương	Thanh	28/7/1984	Điện Biên	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật				
259	M259	Đỗ Đức	Thanh	02/10/1991	Hà Nội	Quản lý văn hóa	7.50	7.00	5.50	
260	M260	Nguyễn Văn	Thanh	25/08/1982	Hải Phòng	Pháp luật về quyền con người				
261	M261	Nguyễn Quang	Thành	01/07/1975	Thái Nguyên	Lãnh đạo học	7.50	8.00		Miễn thi NN
262	M262	Nguyễn Chí	Thành	18/3/1994	Hà Nội	Chính trị học				

12

<i>TT</i>	<i>SBD</i>	<i>Họ</i>	<i>Tên</i>	<i>Ngày sinh</i>	<i>Nơi sinh</i>	<i>Ngành</i>	<i>Môn thi Cơ bản</i>	<i>Môn cơ sở</i>	<i>Môn Tiếng anh</i>	<i>Ghi chú</i>
263	M263	Đinh Thị	Thành	18/11/1975	Hà Nội	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	6.50	7.50	4.55	
264	M264	Phùng Tất	Thành	10/12/1977	Yên Bái	Quản lý kinh tế	5.50	6.00	6.20	
265	M265	Nguyễn Trần	Thành	22/9/1981	Lạng Sơn	Quản lý kinh tế	6.00	6.00	4.40	
266	M266	Hoàng Văn	Thành	07/12/1983	Bắc Ninh	Quản lý kinh tế	5.50	6.50	4.35	
267	M267	Lê Tất	Thành	17/11/1998	T. Yên Bái	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	7.50	7.00	6.55	
268	M268	Đỗ Thị	Thành	14/11/1987	Vĩnh Phúc	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật	6.00	8.00	5.20	
269	M269	Bùi Phương	Thảo	22/10/1993	Hưng Yên	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật	7.50	7.00	7.00	
270	M270	Phùng Phương	Thảo	07/11/1979	Hà Nội	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật	6.00	8.00	6.10	
271	M271	Khúc Thị Phương	Thảo	18/11/1983	Tuyên Quang	Quản lý kinh tế	7.00	7.00	6.00	
272	M272	Trần Thị Thanh	Thảo	10/3/1078	Hà Nam	Pháp luật về quyền con người	6.75	6.00	6.45	
273	M273	Phạm Thị Phương	Thảo	8/12/1979	Cao Bằng	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	5.50	6.00	4.65	
274	M274	Hồ Trọng	Thế	11/02/1999	Hà Nội	Quản lý kinh tế	9.00	6.00	6.80	
275	M275	Nguyễn Quang	Thọ	15/01/1978	Phú Thọ	Quản lý kinh tế	6.00	6.50	4.25	
276	M276	Nông Văn	Thông	11/11/1977	Cao Bằng	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	6.50	6.50	4.80	

2

<i>TT</i>	<i>SBD</i>	<i>Họ</i>	<i>Tên</i>	<i>Ngày sinh</i>	<i>Nơi sinh</i>	<i>Ngành</i>	<i>Môn thi Cơ bản</i>	<i>Môn cơ sở</i>	<i>Môn Trẻng anh</i>	<i>Ghi chú</i>
277	M277	Lê Thị Anh	Thu	01/6/1971	Hà Nội	Quan hệ quốc tế	5.50	5.25	4.35	
278	M278	Đỗ Hạnh	Thu	2/5/1994	Hà Nội	Quản lý văn hóa				Miễn thi NN
279	M279	Trần Đình	Thu	15/9/1992	Hà Nam	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	7.00	7.50		Miễn thi NN
280	M280	Dương Minh	Thuận	21/11/1994	Hà Nam	Kinh tế phát triển	7.00	8.00	7.00	
281	M281	Cao Văn g	Thươn	18/6/1984	Thanh Hoá	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	5.00	7.00	5.15	
282	M282	Đỗ Mạnh	Thường	10/11/1980	Yên Bái	Quản lý kinh tế				
283	M283	Đỗ Thị Diệu	Thúy	26/05/1976	Hải Phòng	Pháp luật về quyền con người				
284	M284	Dương Thị Ngọc	Thúy	15/11/1991	Hòa Bình	Chủ nghĩa xã hội khoa học	7.00	8.50		Miễn thi NN
285	M285	Nguyễn Thị Bích	Thúy	22/11/1978	Hà Tĩnh	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật	7.00	8.00	6.45	
286	M286	Nguyễn Thị	Thúy	16/4/1987	Lai Châu	Quản lý văn hóa	6.50	7.00		Miễn thi NN
287	M287	Lại Thanh	Thúy	13/4/1985	Thái Bình	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật	7.50	7.50		Miễn thi NN
288	M288	Đỗ Xuân	Thúy	12/09/1974	Bắc Ninh	Quản lý kinh tế	7.50	6.00	6.50	
289	M289	Phùng Công	Thúy	21/02/1978	Hà Nội	Quan hệ quốc tế				
290	M290	Nguyễn Văn	Tiến	05/05/1983	Bắc Ninh	Quản lý kinh tế	7.00	6.00	6.25	

8

<i>TT</i>	<i>SBD</i>	<i>Họ</i>	<i>Tên</i>	<i>Ngày sinh</i>	<i>Nơi sinh</i>	<i>Ngành</i>	<i>Môn thi Cơ bản</i>	<i>Môn cơ sở</i>	<i>Môn Tiếng anh</i>	<i>Ghi chú</i>
291	M291	Vũ Thọ	Tiếp	04/02/1985	Hải Phòng	Pháp luật về quyền con người				
292	M292	Lại Đức	Tính	29/9/1987	Yên Bái	Quản lý kinh tế	6.75	6.00	5.75	
293	M293	Nguyễn Diễm	Tình	21/1/1985	Bắc Ninh	Quản lý kinh tế	8.00	6.50	6.65	
294	M294	Phạm Xuân	Toàn	25/5/1980	Hà Nội	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	6.00	6.00		Miễn thi NN
295	M295	Phạm Huyền	Tông	16/10/1981	Nam Định	Quản lý kinh tế				
296	M296	Phạm Thùy	Trang	20/9/1995	Yên Bái	Quản lý kinh tế	5.50	6.00	6.65	
297	M297	Nguyễn Thị Hương	Trang	09/11/1999	Bắc Ninh	Quản lý kinh tế	8.25	6.00	6.60	
298	M298	Lành Việt	Trình	14/3/1986	Lạng Sơn	Quản lý kinh tế	5.50	7.00	6.70	
299	M299	Nguyễn Văn	Trung	23/12/1971	Hà Nội	Kinh tế chính trị	7.00	7.00	5.30	
300	M300	Nguyễn Quang	Trung	04/12/1980	Yên Bái	Quản lý kinh tế				
301	M301	Lưu Quang	Trung	26/07/1991	Hà Nội	Xã hội học	6.00	6.00	6.25	
302	M302	Nguyễn Văn	Tú	10/8/1985	Hà Nội	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật	6.50	7.00	6.05	
303	M303	Nguyễn Anh	Tú	05/8/1992	Hà Nội	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật	7.00	7.50	7.45	
304	M304	Hoàng Minh	Tú	14/12/1983	Lạng Sơn	Quản lý kinh tế	6.00	6.00	6.75	

12

<i>TT</i>	<i>SBD</i>	<i>Họ</i>	<i>Tên</i>	<i>Ngày sinh</i>	<i>Nơi sinh</i>	<i>Ngành</i>	<i>Môn thi Cơ bản</i>	<i>Môn cơ sở</i>	<i>Môn Tiếng anh</i>	<i>Ghi chú</i>
305	M305	Hoàng Tuấn	Tú	29/5/1985	Hà Nội	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	6.50	6.00	6.55	
306	M306	Trần Anh	Tuấn	24/11/1984	Hà Nội	Lãnh đạo học	6.50	7.00	6.45	
307	M307	Đặng Minh	Tuấn	22/11/1982	Hà Nội	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật	6.50	8.00	6.35	
308	M308	Nguyễn Đình	Tuấn	23/8/1990	Hà Nội	Quản lý kinh tế	8.00	6.00	5.90	
309	M309	Nguyễn Quốc	Tuấn	5/3/1987	Hải Dương	Quản lý kinh tế	6.25	6.00	6.00	
310	M310	Nguyễn Minh	Tuấn	03/4/1997	Hà Nội	Quản lý văn hóa	8.00	8.00		Miễn thi NN
311	M311	Lê Quang	Tuấn	10/01/1974	Quảng Ninh	Pháp luật về quyền con người	7.00	7.50	5.35	
312	M312	Lại Việt	Tuấn	23/01/1977	Hải Phòng	Pháp luật về quyền con người				
313	M313	Nguyễn Khắc	Tuế	25/7/1981	Hải Phòng	Pháp luật về quyền con người				
314	M314	Nguyễn Thanh	Tùng	11/10/1982	Bắc Ninh	Kinh tế chính trị	7.00	5.25	6.20	
315	M315	Hoàng Thị	Tươi	29/6/1985	Cao Bằng	Quản lý kinh tế	6.25	6.50	5.15	
316	M316	Hồ Đức	Tuyên	20/3/1981	Tuyên Quang	Pháp luật về quyền con người	6.00	6.00	5.30	
317	M317	Nguyễn Quang	Tuyên	28/10/1978	Vĩnh Phúc	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật				
318	M318	Hoàng Minh	Tuyền	22/11/1984	Lạng Sơn	Quản lý kinh tế				

40

<i>TT</i>	<i>SBD</i>	<i>Họ</i>	<i>Tên</i>	<i>Ngày sinh</i>	<i>Nơi sinh</i>	<i>Ngành</i>	<i>Môn thi Cơ bản</i>	<i>Môn cơ sở</i>	<i>Môn Tiếng anh</i>	<i>Ghi chú</i>
319	M319	Nguyễn Minh	Tuyền	28/9/1983	Cao Bằng	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	7.50	8.00	5.50	
320	M320	Nguyễn Thị	Tuyết	24/04/1983	Bắc Ninh	Quản lý kinh tế	8.00	7.00	6.10	
321	M321	Trần Thị Hồng	Vân	11/6/1995	Yên Bái	Quản lý kinh tế				
322	M322	Phạm Thị	Vân	20/04/1985	Thái Bình	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	7.00	8.00	6.70	
323	M323	Bùi Thị Hồng	Vi	10/7/1990	Hoà Bình	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	7.50	8.00		Miễn thi NN
324	M324	Trần Quốc	Việt	27/7/1980	Lạng Sơn	Quản lý kinh tế	7.00	7.00	6.35	
325	M325	Nguyễn Minh	Việt	22/10/1982	Yên Bái	Quản lý kinh tế	8.50	6.50	6.50	
326	M326	Nguyễn Công	Vinh	21/12/1979	Hà Nội	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật	6.00	7.00	6.25	
327	M327	Chu Đức	Vinh	25/9/1986	Lạng Sơn	Quản lý kinh tế	5.50	6.00	5.45	
328	M328	Hoàng Văn	Vũ	29/05/1998	Bắc Ninh	Quản lý kinh tế	8.25	6.50	6.20	
329	M329	Đường Ngọc	Xuyên	13/4/1984	Lạng Sơn	Quản lý kinh tế	8.50	7.50	6.80	
330	M330	Phạm Thị Ngọc	Xuyên	21/10/1984	Hà Nội	Quản lý kinh tế	7.00	7.50	6.35	
331	M331	Cao Thị Hải	Yến	15/10/1990	Bắc Kạn	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật	7.00	7.00	6.65	
332	M332	Trình Hải	Yến	18/10/1985	Lào Cai	Pháp luật về quyền con người	7.50	7.50	8.25	

12

TT	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành	Môn thi Cơ bản	Môn cơ sở	Môn Tiếng anh	Ghi chú
333	M333	Trần Thị Ngọc	An	06/8/1986	Đồng Tháp	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	6.50	8.00	4.60	
334	M334	Trần Ngọc bảo	Ân	1/10/1984	Bến Tre	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	6.00	7.00	4.65	
335	M335	Nguyễn Tấn	Anh	21/1/1988	Gia Lai	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	7.00	7.00	5.55	
336	M336	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	5/8/1991	TPHCM	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật	7.00	6.50	5.55	
337	M337	Phạm Ngọc	Ánh	18/3/1983	TPHCM	Chính sách công	6.50	8.25	4.80	
338	M338	Phan Đoàn Tiến	Bình	06/6/1994	Tiền Giang	Chính sách công	6.50	8.00		Miễn thi NN
339	M339	Phan Hồng	Châu	10/9/1980	Bình Dương	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	5.50	7.50	5.05	
340	M340	Võ Hùng	Cường	13/6/1983	Đồng Tháp	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	6.00	7.00	5.35	
341	M341	Nguyễn Hữu	Đệ	21/6/1989	Đồng Tháp	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	7.00	8.00	5.35	
342	M342	Lê Văn	Diệu	05/8/1977	Đồng Nai	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	6.00	7.00	5.50	
343	M343	Nguyễn Tấn	Đinh	19/2/1985	BR-VT	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	6.00	6.50	4.45	
344	M344	Nguyễn Đình	Đoàn	15/4/1982	Nghệ An	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước				
345	M345	Phan Tấn	Đức	20/12/1988	Long An	Chính sách công				
346	M346	Lưu Ngọc Lan	Dung	22/3/1991	BR-VT	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	6.00	7.00	5.60	

12

<i>TT</i>	<i>SBD</i>	<i>Họ</i>	<i>Tên</i>	<i>Ngày sinh</i>	<i>Nơi sinh</i>	<i>Ngành</i>	<i>Môn thi Cơ bản</i>	<i>Môn cơ sở</i>	<i>Môn Tiếng anh</i>	<i>Ghi chú</i>
347	M347	Lê Ngọc	Dung	09/12/1986	Đồng Tháp	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	6.00	8.00	5.35	
348	M348	Nguyễn Ngọc	Duy	10/10/1988	Bình Thuận	Chính sách công	5.50	7.50	5.50	
349	M349	Ngô Văn	Hà	9/9/1982	BR-VT	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	5.50	7.50	4.90	
350	M350	Nguyễn Xuân	Hải	11/10/1987	Nghệ An	Chính sách công	6.00	8.00	5.50	
351	M351	Trần Minh Hoàng	Hải	08/12/1985	TPHCM	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật	7.00	6.50	4.95	
352	M352	Đặng Ngọc	Hạnh	26/7/1991	Long An	Chính sách công	5.50	8.50	5.55	
353	M353	Nguyễn Thị	Hạnh	26/4/1984	TPHCM	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật	5.50	6.50	5.20	
354	M354	Mai Hữu	Hào	03/4/1987	Cà Mau	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật	7.00	6.50	5.05	
355	M355	Trần Đình Tuyết	Hậu	21/05/1981	Đồng Tháp	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	6.00	8.00	4.95	
356	M356	Trương thị Ngọc	Hiền	3/3/1982	Đồng Nai	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	6.00	8.00	5.25	
357	M357	Thái Thị Cẩm	Hiền	18/10/1978	Bình Thuận	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật	6.00	7.00	4.45	
358	M358	Trần Trung	Hiếu	1983	Đồng Tháp	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	6.50	6.50	4.60	
359	M359	Đỗ Lâm	Hiếu	07/9/1979	Quảng Trị	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật	6.00	7.75	4.60	
360	M360	Đặng Thị Minh	Hiếu	21/12/1973	TPHCM	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật	6.00	7.00	4.60	

<i>TT</i>	<i>SBD</i>	<i>Họ</i>	<i>Tên</i>	<i>Ngày sinh</i>	<i>Nơi sinh</i>	<i>Ngành</i>	<i>Môn thi Cơ bản</i>	<i>Môn cơ sở</i>	<i>Môn Tiếng anh</i>	<i>Ghi chú</i>
361	M361	Võ Thị	Hồ	01/5/1985	Trên Giang	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	6.50	7.50	4.65	
362	M362	Lê Phong	Hòa	22/12/1985	Đồng Tháp	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	5.00	8.00	4.90	
363	M363	Phạm Ngọc	Hội	10/10/1973	Quảng Ngãi	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước				
364	M364	Trần Thị Kim	Hồng	4/11/1988	Cao Bằng	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	6.00	7.50	4.50	
365	M365	Nguyễn Thị Ánh	Hồng	25/7/1989	Đồng Tháp	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước				Miễn thi NN
366	M366	Nguyễn Thị Thu	Hồng	24/5/1988	Đồng Tháp	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	6.00	6.50	4.35	
367	M367	Trần Thanh	Hùng	08/10/1979	BR-VT	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	5.00	7.00	4.55	
368	M368	La Thị Thu	Hương	8/6/1974	Cần Thơ	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước				
369	M369	Nông Thị Hoài	Hương	11/8/1982	Lạng Sơn	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	5.00	7.50	4.30	
370	M370	Trần Đức	Khánh	26/10/1990	TPHCM	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	5.50	8.00		Miễn thi NN
371	M371	Lê Tương	Lai	1981	Đồng Tháp	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	5.00	6.50	4.10	
372	M372	Đặng Dũng	Lâm	01/8/1984	Đồng Tháp	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước				
373	M373	Thái Thanh	Lan	25/2/1984	Tiền Giang	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật	7.00	7.00	4.50	
374	M374	Trần Gia	Linh	15/10/1993	Long An	Chính sách công				

42

<i>TT</i>	<i>SBD</i>	<i>Họ</i>	<i>Tên</i>	<i>Ngày sinh</i>	<i>Nơi sinh</i>	<i>Ngành</i>	<i>Môn thi Cơ bản</i>	<i>Môn cơ sở</i>	<i>Môn Tiếng anh</i>	<i>Ghi chú</i>
375	M375	Phạm Thị Thùy	Linh	26/12/1985	TPHCM	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	6.50	7.00	4.50	
376	M376	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	21/02/1997	Long An	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật	6.00	7.75		Miễn thi NN
377	M377	Tăng Phước	Lộc	16/2/1972	Sài Gòn	Chính sách công	6.00	8.00	4.95	
378	M378	Phạm Phi	Long	01/01/1986	Đồng Tháp	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	6.00	7.50	4.30	
379	M379	Đoàn	Long	22/10/1991	TT Huế	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	6.00	7.00	4.35	
380	M380	Huỳnh Tấn	Lực	26/2/1983	Bình Phước	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	5.50	7.00	4.25	
381	M381	Cần Nguyễn Duy	Minh	29/7/1992	TPHCM	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước				
382	M382	Hoàng Giang	Nam	26/5/1983	TPHCM	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	7.00	8.00	4.00	
383	M383	Bùi Viết	Nghiêm	01/5/1977	Nam Định	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật	6.00	7.00	4.30	
384	M384	Trần Thị Tuyết	Ngọc	10/01/1986	Đồng Tháp	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	6.00	7.50	4.30	
385	M385	Tăng Thị	Nguyệt	15/11/1981	Hải Dương	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật				
386	M386	Hồ Văn	Nhã	22/8/1988	Đồng Tháp	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	6.50	8.00	4.30	
387	M387	Đoàn Thanh	Nhìn	01/01/1982	Đồng Tháp	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	7.50	8.00	4.45	
388	M388	Ngô Thị Huỳnh	Như	10/8/1989	Đồng Tháp	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	6.50	7.00	4.30	

42

TT	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành	Môn thi Cơ bản	Môn cơ sở	Môn Tiếng anh	Ghi chú
389	M389	Lê Thị Hoàng	oanh	01/7/1983	Bến Tre	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	6.50	7.50	4.45	
390	M390	Nguyễn Thị	oanh	20/7/1982	TPHCM	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật	5.50	6.50		Miễn thi NN
391	M391	Nguyễn Phạm	Phúc	20/10/1992	Vĩnh Long	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	5.00	6.00	4.45	
392	M392	Đàm Thị	Phuong	26/3/1981	Bắc Cạn	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật	6.50	7.00	4.30	
393	M393	Võ Hồng	Quân	25/9/1983	Đông, Tiền Giang	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật	6.50	7.00	4.30	
394	M394	Ngô Công	Quang	03/2/1985	Quảng Nam	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	7.50	7.00	4.40	
395	M395	An Văn	Quang	20/4/1982	Thanh Hóa	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	6.00	7.50	4.45	
396	M396	Dương Hồng	Quang	25/7/1981	TPHCM	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật	6.00	6.00	4.90	
397	M397	Phạm Thanh	Quí	28/8/1982	Đồng Tháp	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	6.00	7.00	4.75	
398	M398	Nguyễn Thị Tố	Quỳn	24/8/1986	Long An	Chính sách công	6.50	7.50	4.45	
399	M399	Mai Thị Bích	Quỳn	1/8/1989	Bắc Ninh	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	6.50	7.00	5.35	
400	M400	Lâm Như	Quỳnh	10/10/1985	Bến Tre	Chính sách công	6.50	8.00		Miễn thi NN
401	M401	Lê Hoàng	sang	20/4/1991	Bến Tre	Chính sách công	6.50	7.50	5.10	
402	M402	Nguyễn Đăng	Son	04/11/1979	Bình thuận	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	6.50	7.00	4.30	

2

<i>TT</i>	<i>SBD</i>	<i>Họ</i>	<i>Tên</i>	<i>Ngày sinh</i>	<i>Nơi sinh</i>	<i>Ngành</i>	<i>Môn thi Cơ bản</i>	<i>Môn cơ sở</i>	<i>Môn Tiếng anh</i>	<i>Ghi chú</i>
403	M403	Nguyễn Đức	Tân	16/10/1971	Thái Bình	Chính sách công	7.00	7.00	4.85	
404	M404	Lê Văn	Tăng	15/7/1978	Bắc Giang	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật	7.00	7.00	4.70	
405	M405	Nguyễn Hoàng	Thạch	01/01/1985	Long An	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật	6.50	7.00	4.80	
406	M406	Math Giang	Thanh	5/8/1984	TPHCM	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	6.00	6.00	4.30	
407	M407	Nguyễn Thị Ngọc	Thanh	02/5/1984	TPHCM	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật	7.50	6.50	4.60	
408	M408	Nguyễn Trung	Thành	08/10/1972	Hải Dương	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật	6.00	7.00	4.90	
409	M409	Nguyễn Thị Phương	Thảo	24/11/1980	Tây Ninh	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật	7.00	7.00	4.90	
410	M410	Lê Minh	Thế	16/8/1974	Tây Ninh	Chính sách công	6.50	7.75	4.95	
411	M411	Nguyễn Thị Thu	Thoa	17/9/1976	Yên Bái	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật	7.00	7.50	4.75	
412	M412	Nguyễn Minh	Thông	22/2/1981	Tiền Giang	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật	6.00	7.00	4.30	
413	M413	Nguyễn Minh	Thư	12/10/1986	Kiên Giang	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	6.50	7.00	4.50	
414	M414	Huỳnh Liễu	Thúy	28/8/1987	TPHCM	Chính sách công	6.50	8.00	4.50	
415	M415	Phạm Văn	Tiền	29/4/1975	Hải Dương	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	7.00	7.50	4.30	
416	M416	Phan Văn	Tiếp	06/03/1981	Đồng Tháp	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	7.00	7.00	4.45	

<i>TT</i>	<i>SBD</i>	<i>Họ</i>	<i>Tên</i>	<i>Ngày sinh</i>	<i>Nơi sinh</i>	<i>Ngành</i>	<i>Môn thi Cơ bản</i>	<i>Môn Cơ sở</i>	<i>Môn Tiếng anh</i>	<i>Ghi chú</i>
417	M417	Võ Sinh	Tồn	13/5/1994	Long An	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật	6.50	7.50		Miễn thi NN
418	M418	Nguyễn Thị Bích	Trâm	01/7/1994	Phú Yên	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật	7.00	7.00	5.80	
419	M419	Trần Minh	Trọng	09/1/1975	TPHCM	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	6.00	6.50	4.35	
420	M420	Đỗ Thanh	Tú	17/12/1979	Bình Định	Chính sách công	6.50	7.00	5.40	
421	M421	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	24/6/1992	TPHCM	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật	6.50	7.50	5.15	
422	M422	Lê Minh	Tuấn	30/4/1986	TT Huế	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	6.50	8.00	4.90	
423	M423	Phạm Hoàng	Tuấn	28/6/1982	TPHCM	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật	6.50	7.00	5.05	
424	M424	Nguyễn Thị hồng	Tuyết	29/12/1987	Phú yên	Chính sách công	6.50	7.75	4.60	
425	M425	Huỳnh Bé	Út	06/12/1987	Đồng Tháp	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	6.00	7.50	4.60	
426	M426	Huỳnh Thị Như	Vân	08/9/1991	Bình Thuận	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	6.50	8.00	4.50	
427	M427	Lê Dương Hồng	Việt	01/6/1990	Đồng Tháp	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	6.50	8.00	4.90	
428	M428	Nguyễn Phúc	Vinh	19/10/1982	Hòa Bình	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật	6.00	7.00	4.60	
429	M429	Phan Thị Tú	Vinh	15/6/1976	Nghệ An	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật	5.50	6.50	5.25	
430	M430	Lê Thanh	Xuân	20/11/1988	BR-VT	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	6.50	8.00		Miễn thi NN

28

<i>TT</i>	<i>SBD</i>	<i>Họ</i>	<i>Tên</i>	<i>Ngày sinh</i>	<i>Nơi sinh</i>	<i>Ngành</i>	<i>Môn thi Cơ bản</i>	<i>Môn cơ sở</i>	<i>Môn Tiếng anh</i>	<i>Ghi chú</i>
431	M431	K' Nhiều		13/7/1972	Lâm Đồng	Chính sách công				
432	M432	Võ Văn Hoàng	Anh	26-10-1984	Bến Tre	Quản lý kinh tế	6.50	6.00		Miễn thi NN
433	M433	Trương Lê Quốc	Anh	07-3-1997	Đồng Tháp	Quản lý văn hóa	7.50	7.00	6.30	
434	M434	Trang Hoàng	Anh	24-5-1983	Cà Mau	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật	6.00	7.50	6.20	
435	M435	Thạch Xuân	Bách	15-8-1987	Trà Vinh	Quản lý văn hóa	7.00	6.50	6.10	
436	M436	Võ Thanh	Bình	09-10-1981	Kiên Giang	Quản lý kinh tế	8.00	7.00	5.55	
437	M437	Võ Thị Thanh	Bình	07-11-1981	Kiên Giang	Quản lý kinh tế	7.00	7.50		Miễn thi NN
438	M438	Trần Văn	Bùi	24-02-1974	Sóc Trăng	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	6.00	7.50		Miễn thi NN
439	M439	Đặng Quốc	Cần	25-01-1981	Kiên Giang	Chính sách công	6.00	8.00	6.55	
440	M440	Nguyễn Văn	Cang	20-3-1978	Cần Thơ	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	5.50	6.00	5.95	
441	M441	Võ Trọng	Cát	04-01-1983	Trà Vinh	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	6.00	7.00	5.55	
442	M442	Nguyễn Thị Minh	Châu	04-10-1982	Kiên Giang	Quản lý văn hóa	7.50	7.00	5.50	
443	M443	Trần Thị	Chúc	03-02-1983	Trà Vinh	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	6.50	8.00	6.10	
444	M444	Bùi Văn	Công	16-02-1981	Sóc Trăng	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	6.00	6.50	5.85	

2

<i>TT</i>	<i>SBD</i>	<i>Họ</i>	<i>Tên</i>	<i>Ngày sinh</i>	<i>Nơi sinh</i>	<i>Ngành</i>	<i>Môn thi Cơ bản</i>	<i>Môn cơ sở</i>	<i>Môn Tiếng anh</i>	<i>Ghi chú</i>
445	M445	Võ Tá	Công	24-3-1992	Kiên Giang	Quản lý kinh tế	6.50	7.00	6.60	
446	M446	Nguyễn Chí	Công	20-6-1984	Cần Thơ	Quản lý văn hóa	6.50	7.50	6.20	
447	M447	Nguyễn Minh	Cường	15-7-1973	Nghệ An	Quản lý kinh tế				
448	M448	Lê Văn	Đạt	15-3-1990	Cần Thơ	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật	6.00	6.00		Miễn thi NN
449	M449	Nguyễn Thị Hồng	Diễm	01-01-1982	Bến Tre	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	6.00	7.50	5.65	
450	M450	Nguyễn Kiều	Diễm	04-8-1989	Hậu Giang	Quản lý văn hóa	7.00	6.50	6.05	
451	M451	Nguyễn Thị Ngọc	Diễm	08-9-1980	Cần Thơ	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	6.00	7.50	5.65	
452	M452	Lê Quý	Đôn	09-8-1987	Kiên Giang	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	6.00	7.00	6.00	
453	M453	Trương Hoàng	Dũng	09-6-1980	Sóc Trăng	Quản lý kinh tế	5.50	6.00	6.15	
454	M454	Phạm Khương	Duy	01-11-1981	Kiên Giang	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	6.00	6.00	6.75	
455	M455	Lâm Hồng	Duy	25-3-1984	Cần Thơ	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật	6.00	6.00	6.90	
456	M456	Nguyễn Cẩm	Giang	06-01-1984	Hậu Giang	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật	6.00	7.50	5.65	
457	M457	Đặng Thị Ngọc	Giàu	06-6-1991	Hậu Giang	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật	7.00	7.50	6.50	
458	M458	Phan Thanh	Hải	25-10-1977	Cần Thơ	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	6.00	7.50		Miễn thi NN

<i>TT</i>	<i>SBD</i>	<i>Họ</i>	<i>Tên</i>	<i>Ngày sinh</i>	<i>Nơi sinh</i>	<i>Ngành</i>	<i>Môn thi Cơ bản</i>	<i>Môn cơ sở</i>	<i>Môn Trẻng anh</i>	<i>Ghi chú</i>
459	M459	Trần Vũ	Hải	02-7-1984	Cần Thơ	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	5.50	7.50	6.25	
460	M460	Nguyễn Văn	Hải	23-11-1975	Cần Thơ	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật				
461	M461	Phạm Hoài	Hận	15-3-1987	Cà Mau	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật	7.00	7.50	6.70	
462	M462	Thạch Thị Ngọc	Hạnh	10-6-1985	Trà Vinh	Quản lý văn hóa	8.00	7.00	6.70	
463	M463	Hồ Phú	Hào	04-4-1991	Cần Thơ	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật	6.00	7.00	5.80	
464	M464	Phan Văn	Hậu	30-4-1987	Cà Mau	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật	6.00	7.00	6.10	
465	M465	Bùi Trung	Hiển	01-31986	Cần Thơ	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật				
466	M466	Lê Thúy	Hiền	17-10-1985	Kiên Giang	Quản lý văn hóa	6.50	6.50		Miễn thi NN
467	M467	Trần Thị Minh	Hiền	26-11-1985	Cần Thơ	Chính sách công	6.00	7.25	5.80	
468	M468	Nguyễn Thanh	Hiếu	07-02-1985	Vĩnh Long	Quản lý văn hóa	6.50	6.50	6.00	
469	M469	Cao Hữu	Hiếu	09-11-1986	Cần Thơ	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật	7.00	7.50	7.00	
470	M470	Đặng Trung	Hiếu	06-6-1987	Kiên Giang	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật	7.00	7.00		Miễn thi NN
471	M471	Nguyễn Trung	Hiếu	03-6-1986	Cần Thơ	Chính sách công	7.00	8.00	6.70	
472	M472	Thị	Hoa	28-8-1984	Kiên Giang	Quản lý văn hóa	8.00	8.00	7.15	

2

<i>TT</i>	<i>SBD</i>	<i>Họ</i>	<i>Tên</i>	<i>Ngày sinh</i>	<i>Nơi sinh</i>	<i>Ngành</i>	<i>Môn thi Cơ bản</i>	<i>Môn cơ sở</i>	<i>Môn Tiếng anh</i>	<i>Ghi chú</i>
473	M473	Trần Thị Kiều	Hoa	26-9-1982	Hậu Giang	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật	6.50	7.50	6.45	
474	M474	Nguyễn Văn	Hòa	10-10-1981	Kiên Giang	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	6.00	6.50		Miễn thi NN
475	M475	Võ Văn	Hon	06-5-1985	Sóc Trăng	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	6.00	7.50	7.15	
476	M476	Thạch Tô	Hồng	30-3-1988	Trà Vinh	Quản lý văn hóa	7.00	7.00	6.80	
477	M477	Phạm Thị Minh	Huệ	02-3-1984	Sóc Trăng	Chính sách công	6.00	8.75	7.00	
478	M478	Nguyễn Quốc	Hùng	31-12-1981	Kiên Giang	Quản lý kinh tế	6.00	7.00	6.40	
479	M479	Huỳnh Văn	Hung	01-01-1982	Sóc Trăng	Chính sách công	6.00	7.75	6.75	
480	M480	Phạm Thị	Hương	19-4-1984	Thanh Hóa	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật	7.00	7.50	6.40	
481	M481	Lâm Thanh	Hương	10-3-1986	Kiên Giang	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật	6.50	7.50	6.55	
482	M482	Nguyễn Thị Chúc	Huyền	26-01-1990	Cần Thơ	Chính sách công	7.00	8.50	6.25	
483	M483	Nguyễn Hoàng	Khang	16-4-1993	Cần Thơ	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật	7.00	7.00		Miễn thi NN
484	M484	Nguyễn Hữu	Khanh	10-4-1983	Đồng Tháp	Quản lý văn hóa	7.50	7.50	6.75	
485	M485	Âu Minh	Khoa	20-1-1984	Hậu Giang	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	5.50	7.50	7.50	
486	M486	Phạm Văn	Khởi	1985	Kiên Giang	Quản lý kinh tế	6.50	6.00	7.00	

2

<i>TT</i>	<i>SBD</i>	<i>Họ</i>	<i>Tên</i>	<i>Ngày sinh</i>	<i>Nơi sinh</i>	<i>Ngành</i>	<i>Môn thi Cơ bản</i>	<i>Môn cơ sở</i>	<i>Môn Tiếng anh</i>	<i>Ghi chú</i>
487	M487	Tạ Văn	Khuong	07-10-1983	An Giang	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	6.00	6.00	6.25	
488	M488	Lê Hồng	Kiệt	12-3-1984	Vĩnh Long	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	6.00	7.00	6.85	
489	M489	Hà Vi	Kim	03-3-1984	Sóc Trăng	Chính sách công	6.00	7.75		Miễn thi NN
490	M490	Huỳnh Thị Xuân	Kỷ	03-12-1983	Kiên Giang	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	6.00	7.00	5.45	
491	M491	Tô Nguyễn Mộng	Lành	19-8-1984	Cà Mau	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật				
492	M492	Trần Công	Lập	10-02-1985	Vĩnh Long	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	6.00	7.00		Miễn thi NN
493	M493	Lê Quang	Lel	04-02-1986	Hậu Giang	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	6.00	6.00	5.35	
494	M494	Lê Thanh	Liêm	09-02-1980	Sóc Trăng	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật	6.00	7.00	5.95	
495	M495	Cao Thúy	Liên	03-6-1985	Sóc Trăng	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	6.00	8.00	5.35	
496	M496	Phan Thị	Liều	10-10-1980	An Giang	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật	7.00	7.50	5.80	
497	M497	Nguyễn Ché	Linh	01-01-1987	Hậu Giang	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	6.00	6.50	5.80	
498	M498	Nguyễn Mỹ	Linh	22-7-1987	Kiên Giang	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	7.00	8.00	5.75	
499	M499	Ngô Nguyễn Nhi	Linh	03-01-1992	An Giang	Quản lý kinh tế	7.50	7.00	6.35	
500	M500	Châu Hoàng	Lộc	20-02-1991	Sóc Trăng	Quản lý kinh tế	7.50	7.00	6.25	

TT	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành	Môn thi Cơ bản	Môn cơ sở	Môn Tiếng anh	Ghi chú
501	M501	Châu Văn	Lộc	01-11-1983	Cần Thơ	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật	6.00	7.50	7.40	
502	M502	Lý Thành	Luân	16-4-1987	Kiên Giang	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	6.00	7.00	6.05	
503	M503	Phạm Thị Trúc	Lý	12-8-1988	An Giang	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	6.00	8.00	7.20	
504	M504	Phạm Thị Tuyết	Mai	16-11-1977	Vĩnh Long	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	6.00	7.00	7.20	
505	M505	Lâm Hoàng	Mẫu	17-9-1976	Sóc Trăng	Quản lý kinh tế	8.50	7.00	7.05	
506	M506	Châu Thị	Muối	26-7-1981	Sóc Trăng	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	6.00	7.00		Miễn thi NN
507	M507	Nguyễn Văn	Nam	20-11-1983	Hậu Giang	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật	7.00	6.50	6.05	
508	M508	Trần Thị Tuyết	Ngân	20-7-1992	Cần Thơ	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	7.00	7.50	7.25	
509	M509	Nguyễn Thị Thuận	Ngân	10-3-1983	Bạc Liêu	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	7.00	7.50		Miễn thi NN
510	M510	Trần Thị Vĩnh	Nghi	10-12-1983	Cần Thơ	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	6.00	8.00	7.45	
511	M511	Đào Văn	Nghi	15-5-1984	Hậu Giang	Quản lý văn hóa	8.00	7.00		Miễn thi NN
512	M512	Lê Thị Xuân	Ngoan	24-4-1980	Sóc Trăng	Quản lý văn hóa	7.50	8.00	7.15	
513	M513	Chu Thị Phương	Ngọc	31-8-1990	Sóc Trăng	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	7.00	7.00	6.30	
514	M514	Phan Thúy	Nguyễn	18-11-1982	Cà Mau	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật	7.00	8.00	6.25	

12

<i>TT</i>	<i>SBD</i>	<i>Họ</i>	<i>Tên</i>	<i>Ngày sinh</i>	<i>Nơi sinh</i>	<i>Ngành</i>	<i>Môn thi Cơ bản</i>	<i>Môn cơ sở</i>	<i>Môn Tiếng anh</i>	<i>Ghi chú</i>
515	M515	Lại Chí	Nguyễn	15-12-1986	Kiên Giang	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	6.00	7.00	5.95	
516	M516	Lê Thị Thúy	Nhi	11-3-1986	An Giang	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	7.00	7.00	6.10	
517	M517	Nguyễn Thị	Nhiễn	01-01-1982	Kiên Giang	Quản lý văn hóa	7.50	7.00	6.10	
518	M518	Nguyễn Duy	Phong	28-9-1985	Quảng Ngãi	Quản lý kinh tế	7.00	6.50	5.50	
519	M519	Nguyễn Văn	Phuong	28-10-1982	Vĩnh Long	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	6.50	7.00	5.35	
520	M520	Trần Thị Trúc	Phuon g	15-5-1982	Kiên Giang	Quản lý văn hóa	7.50	6.50	6.40	
521	M521	Nguyễn Hoàng	Phuon g	25-12-1989	Kiên Giang	Chính sách công	6.50	8.25	5.95	
522	M522	Huỳnh Thị Kim	Phượng	06-12-1976	Sóc Trăng	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	6.00	6.50	5.20	
523	M523	Lê Thị Xuân	Phượng	06-6-1979	Vĩnh Long	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	6.00	7.00		Miễn thi NN
524	M524	Nguyễn Hải	Quân	16-11-1974	Hà Nội	Chính sách công	6.50	8.00	5.35	
525	M525	Nguyễn Minh	Quang	16-6-1985	Cần Thơ	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật				
526	M526	Nguyễn Thanh	Son	10-02-1980	Trà Vinh	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	6.50	7.00	5.50	
527	M527	Nguyễn Thanh	Sử	14-8-1984	Cà Mau	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	6.50	7.00	5.60	
528	M528	Danh	Tài	23-12-1982	Kiên Giang	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	6.50	7.00	5.60	

<i>TT</i>	<i>SBD</i>	<i>Họ</i>	<i>Tên</i>	<i>Ngày sinh</i>	<i>Nơi sinh</i>	<i>Ngành</i>	<i>Môn thi Cơ bản</i>	<i>Môn cơ sở</i>	<i>Môn Tiếng anh</i>	<i>Ghi chú</i>
529	M529	Huỳnh Phước	Tem	19/12/1980	Hậu Giang	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật				
530	M530	Huỳnh Phước	Tem	19/12/1980	Hậu Giang	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật	6.00	6.50	5.70	
531	M531	Dương Thị Thanh	Thàn	30-10-1988	Cần Thơ	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật	7.00	7.00	5.85	
532	M532	Nguyễn Ngọc	Thanh	02-6-1975	Cần Thơ	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	6.50	7.00	5.50	
533	M533	Nguyễn Thanh	Thanh	30-4-1993	Cần Thơ	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật				
534	M534	Lê Hữu	Thành	06-10-1969	Cần Thơ	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật	6.00	7.00	5.20	
535	M535	Lê Dạ	Thảo	08-3-1984	Kiên Giang	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	6.50	7.50	5.65	
536	M536	Trần Thị Thu	Thảo	28-7-1986	Kiên Giang	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	6.50	7.00	5.70	
537	M537	Đường Quang	Thập	26-11-1983	Trà Vinh	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	6.50	7.00	5.50	
538	M538	Phạm Trường	Thị	18-6-1981	Hậu Giang	Quản lý kinh tế	6.50	7.50	5.80	
539	M539	Đặng Phước	Thiện	27-6-1996	Đồng Tháp	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	6.00	7.00	5.80	
540	M540	Trần Thị Kim	Thoa	18-6-1982	Trà Vinh	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	7.00	8.00	5.35	
541	M541	Ngô Hữu	Thống	06-6-1988	Cần Thơ	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	6.00	7.50	5.95	
542	M542	Huỳnh Thị Phương	Thư	01-01-1988	Hậu Giang	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	6.00	7.00	5.95	

42

<i>TT</i>	<i>SBD</i>	<i>Họ</i>	<i>Tên</i>	<i>Ngày sinh</i>	<i>Nơi sinh</i>	<i>Ngành</i>	<i>Môn thi Cơ bản</i>	<i>Môn cơ sở</i>	<i>Môn Tiếng anh</i>	<i>Ghi chú</i>
543	M543	Nguyễn Minh	Thương	17-9-1982	Bạc Liêu	Chính sách công				
544	M544	Nguyễn Minh	Thùy	03-8-1982	Cà Mau	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật	7.00	7.00	5.20	
545	M545	Lê Ngọc	Tia	16-12-1984	Hậu Giang	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	6.50	7.00	6.60	
546	M546	Nguyễn Quốc	Toàn	06-6-1984	Kiên Giang	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	6.50	7.00	5.50	
547	M547	Trần Quốc	Toàn	01-01-1984	Kiên Giang	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	6.00	6.50	7.00	
548	M548	Nguyễn Thanh	Tòng	10/05/1979	Hậu Giang	Quản lý kinh tế	7.50	6.00	6.35	
549	M549	Nguyễn Thị Bảo	Trân	20/10/1983	Vĩnh Long	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	6.50	7.50	6.95	
550	M550	Nguyễn Thị	Trân	10-4-1982	Kiên Giang	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật	6.00	7.00	7.00	
551	M551	Trần Thị Kiều	Trang	20-4-1988	Cần Thơ	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật	6.50	7.00	6.65	
552	M552	Nguyễn Minh	Trí	15-02-1985	An Giang	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	6.00	7.00	6.70	
553	M553	Phùng Minh	Triết	09-10-1990	An Giang	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	6.50	7.50	6.70	
554	M554	Trần Thị Mỹ	Trinh	30-10-1998	Cần Thơ	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước				
555	M555	Lê Thanh	Trúc	03-02-1985	Cần Thơ	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật	6.50	7.50	6.70	
556	M556	Huỳnh Minh	Trung	14-01-1986	Kiên Giang	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	6.50	7.00	6.70	

2

<i>TT</i>	<i>SBD</i>	<i>Họ</i>	<i>Tên</i>	<i>Ngày sinh</i>	<i>Nơi sinh</i>	<i>Ngành</i>	<i>Môn thi Cơ bản</i>	<i>Môn cơ sở</i>	<i>Môn Tiếng anh</i>	<i>Ghi chú</i>
557	M557	Nguyễn Anh	Tuấn	30-01-1976	Hậu Giang	Quản lý kinh tế	7.50	6.00	6.55	
558	M558	Lê Quốc	Tuấn	15-6-1987	Cần Thơ	Quản lý kinh tế	8.25	7.50		Miễn thi NN
559	M559	Lâm Thanh	Tuấn	15-01-1984	Kiên Giang	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật	6.50	6.50	6.40	
560	M560	Tô Thanh	Tùng	13-8-1991	Cà Mau	Chính sách công	6.50	8.00	6.25	
561	M561	Trần Thị Ánh	Tuyết	15-7-1984	Kiên Giang	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật	7.00	6.50	6.25	
562	M562	Phạm Bạch	Tuyết	01-12-1983	Cần Thơ	Chính sách công	6.00	7.00	6.20	
563	M563	Nguyễn Văn	Út	16-7-1978	Sóc Trăng	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	6.50	7.00	5.90	
564	M564	Trần Thị Xuân	Uyên	26-4-1985	Kiên Giang	Quản lý kinh tế	8.00	6.50	6.70	
565	M565	Bùi Thị	Vân	12-7-1976	Bến Tre	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật	6.00	7.00	6.40	
566	M566	Nguyễn Ngọc	Vên	1987	Kiên Giang	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	7.00	8.00	6.20	
567	M567	Tô Yến	Vi	04-12-1988	Kiên Giang	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	7.50	7.50	6.75	
568	M568	Nguyễn Huy	Viễn	10-10-1988	Vĩnh Long	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	7.00	7.00	6.45	
569	M569	Phạm Quang	Vinh	23-02-1986	Cần Thơ	Quản lý kinh tế	8.00	6.00	6.15	
570	M570	Phạm Phúc	Vinh	02-8-1984	Hậu Giang	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật	6.50	6.00	6.55	

TT	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành	Môn thi Cơ bản	Môn cơ sở	Môn Tiếng anh	Ghi chú
571	M571	Phan Thị Kim	Xuyến	06-9-1986	Sóc Trăng	Quản lý văn hóa				Miễn thi NN
572	M572	Nguyễn Thị	Yến	23-6-1976	Hậu Giang	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	7.00	7.00	6.35	

TRƯỞNG BAN THƯ KÝ


Đào Tuấn Nam

HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH



MÔN CƠ BẢN

NGƯỜI NHẬP VÀ KIỂM TRA ĐIỂM

MÔN CƠ SỞ

MÔN TIẾNG ANH


Nguyễn Văn Đăng



Ngô Tường Sơn


Phan Huân



Ngô Minh Chy


Lê Ngọc Nhân


Phan Văn Bách